

NHO GIÁO VỀ GIA ĐÌNH VÀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Anh Cường¹

TÓM TẮT

Từ chỗ không được ưa thích trong các tầng lớp nhân dân Việt Nam, Nho giáo dần dần giữ một vị trí ngày càng tăng trong việc đề cao uy quyền của nhà vua, xây dựng một hệ thống quan liêu từ trên xuống dưới, bảo đảm mối quan hệ chặt chẽ giữa Nhà nước và nhân dân. Nho giáo được du nhập từ Trung Quốc vào Việt Nam không còn giữ nguyên trạng thái nguyên sơ của nó nữa. Nó đã được Việt Nam hóa. Nho sĩ Việt Nam, vì lợi ích bảo vệ và xây dựng tổ quốc, đã khai thác những quan điểm tích cực của Nho giáo để khẳng định những giá trị truyền thống của dân tộc.

Nho giáo rất đề cao coi trọng gia đình, coi gia đình tồn tại như một bộ phận của thượng tầng kiến trúc. Mọi sự yên ổn trong cả nước đều bắt nguồn từ sự yên ổn trong mỗi gia đình. Nước hưng thịnh bắt nguồn từ mỗi gia đình. Nho giáo đặt ra cho mỗi con người (nam giới) trước hết phải tu thân, tề gia, rồi mới ra trị quốc sau mới đến bình thiên hạ.

Báo cáo gồm ba phần: Nho giáo về gia đình; ảnh hưởng của Nho giáo với gia đình Việt Nam truyền thống; Nho giáo với gia đình Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Nho giáo, gia đình, gia đình Việt Nam hiện nay, gia đình Việt Nam truyền thống

ABSTRACT

Beginning to be not favor in all classes of Vietnamese people, Confucianism is gradually played an important role in empowering the authority of the king, building a bureaucratic system of administration from central offices to local government and ensure a close relation between the government and people. Imported from China to Vietnam, Confucianism in Vietnam has not to be original. It has a lot of Vietnamese properties. For benefit of building and defending the country, Vietnamese Confucian scholar made full use of advantage view of Confucianism to affirm positive tradition of Vietnamese people.

Confucianism especially concentrate on family, consider the existence of family as part of superstructure. Prosperous, peaceful country start from family. The first, a man in Confucianism must to strive for self-improvement, the second to make oneself manage the family, the third is for country, and the fourth makes his country peaceful.

The report contains three parts: Confucianism about family; influence of the Confucianism on tradition Vietnamese family; Confucianism on nowadays family.

Key words: Confucianism, family, nowadays family, tradition Vietnamese family

¹Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Thủy Lợi (175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội).

ĐẶT VẤN ĐỀ

Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo được du nhập vào Việt Nam từ lâu và đã có vai trò đáng kể trong hoạt động tư tưởng và văn hóa của nhân dân. Những trào lưu ấy đã được cải biến cho phù hợp với truyền thống của nhân dân và nhu cầu của đất nước để trở thành chính nền văn hóa và hệ tư tưởng thống trị ở Việt Nam. Từ chỗ không được ưa thích trong các tầng lớp nhân dân Việt Nam, Nho giáo dần dần giữ một vị trí ngày càng tăng trong việc đề cao uy quyền của nhà vua, xây dựng một hệ thống quan liêu từ trên xuống dưới, bảo đảm mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà nước và nhân dân. Nho giáo được du nhập từ Trung Quốc vào Việt Nam không còn giữ nguyên trạng thái nguyên sơ của nó nữa. Nó đã được Việt Nam hóa. Nho sĩ Việt Nam, vì lợi ích bảo vệ và xây dựng tổ quốc, đã khai thác những quan điểm tích cực của Nho giáo để khẳng định những giá trị truyền thống của dân tộc.

Nho giáo rất đề cao việc coi trọng gia đình, coi gia đình tồn tại như một bộ phận của thượng tầng kiến trúc. Mọi sự yên ổn trong cả nước đều bắt nguồn từ sự yên ổn trong mỗi gia đình. Nước hưng thịnh bắt nguồn từ mỗi gia đình. Nho giáo đặt ra cho mỗi con người (nam giới) trước hết phải tu thân, tề gia, rồi mới ra trị quốc sau mới đến bình thiên hạ.

1. GIA ĐÌNH TRONG NHO GIÁO

Hiếu để trong Nho giáo: Nho giáo cho rằng muôn vật gốc ở trời, con người gốc ở tổ “vạn vật bản hồ thiên, nhân bản hồ tổ - Lễ ký”. Cho nên con cái phải ý thức đầy đủ về tình cảm thương yêu và bổn phận đối với cha mẹ. Đó là sự biết ơn 9 chữ cù lao “ai ai phụ mẫu sinh ngã cù lao” (9 chữ công đức to lớn như những cù lao: 1. Sinh, 2. Các: nâng niu, 3. Phủ: vuốt ve âu yếm, 4. Súc: nuôi cho bú cho ăn, 5. Tượng: nuôi trông cho lớn, 6. Dục: dạy dỗ, 7. Cố: săn sóc trông nom, 8. Phục: uốn nắn tính nết, 9. Phúc: che chở). Làm cho cha mẹ được tôn

trọng là bậc hiếu cao nhất, không làm nhục đến cha mẹ là bậc hiếu thứ hai, nuôi được cha mẹ là bậc hiếu thứ ba “hiếu hữu tam, đại hiếu tôn thân, kỳ thứ phát nhục, kỳ hạ năng dưỡng - Lễ ký”. Nhưng thế chưa đủ mà còn phải “kim chi hiếu giả, thị vụ năng dưỡng. Chí ư khuyến mã giác năng hữu dưỡng, bất chính bà dĩ biệt hồ - Luận ngữ - Vi chính - 7” (nuôi được cha mẹ điều ấy là tốt rồi, nhưng phải bằng tấm lòng kính trọng thương yêu, chứ đừng như đời nay, hễ thấy ai nuôi được cha mẹ thì đã khen là có hiếu, vì chó ngựa thì người ta cũng nuôi được). Nuôi cha mẹ mà chẳng kính ái thì có khác gì nuôi súc vật - như thế hiếu thực sự phải xuất phát từ đáy lòng con cái, phải bao hàm được cả về, cả cha mẹ được báo hiếu và con cái thực hiện hiếu đều sung sướng. Cho dù “xuyết thực, ẩm thủy, tận kỳ hoan, tư chi vị hiếu - Lễ ký” (phải ăn gạo xấu, uống nước lã cũng thỏa lòng vui theo chữ hiếu). Hiếu không ham mê từ sắc làm cho cha mẹ phải tủi hổ, không làm việc bạo tợn khiến cha mẹ phải nguy khốn, không tự nhiên mà bỏ nhà đi xa, khiến cha mẹ phải lo lắng. Hiếu làm sao như vua Thuấn 50 năm sau mà vẫn quyến luyến mộ cha mẹ như khi cha mẹ mới mất “Đại hiếu chung thân phụ mẫu, ngũ thập chi mộ giả ư Đại Thuấn kiến chi kỷ - Mạnh Tử - Vạn chương thượng 1”. Hiếu còn phải quyết chí lập thân hành đạo, nêu cao thanh danh đến đời sau vinh hiển cha mẹ “lập thân hành đạo chương danh ư hậu thế, dĩ hiếu phụ mẫu - Hiếu kinh”. Có phần cực đoan hơn nữa, Nho giáo còn đề ra hiếu không gì bằng đem cả thiên hạ phụng dưỡng cha mẹ. Tức là phải chiếm lấy ngôi vua, biến dòng họ thành Hoàng tộc, đem cả thiên hạ tôn dâng cha mẹ “hiếu tử chi chí mạc đại ư tôn thân tôn thân chi chí, mạc đại dĩ thiên hạ dưỡng - Mạnh Tử ly lâu hạ 4”.

Gắn liền với chữ hiếu, gia đình Nho giáo còn đề cao chữ để, là kính trọng anh chị bề trên. Nho giáo nêu ra: có đức hiếu để thì sẽ có được cái khác. Hiếu để là cái

gốc mà người quân tử phải nắm lấy, cái gốc được vững tốt, thì đạo lý từ đó mà sinh ra “Quân tử vụ bản, bản tập nhi đạo sinh. Hiếu để giả kỳ vi nhân chi bản dữ - Luận ngữ - học nhi 2”. Nho giáo cho rằng cao đẹp rộng lớn như cái đạo của Nghiêu Thuấn cũng chỉ có hiếu để mà thôi “Nghiêu Thuấn chi đạo, hiếu để nhi dĩ kỳ - Mạnh Tử - Cáo tử - hạ 2”.

Tại sao Nho giáo lại đề cao chữ hiếu để đến như vậy? Vì tư tưởng cơ bản của Nho giáo là tôn quân, là đề cao chế độ phong kiến quan liêu tập quyền. Cùng cố gia đình, nêu cao chữ hiếu để, đề cao quyền huynh thế phụ, bảo đảm tuyệt đối cho chế độ truyền tử, ngôi vua truyền cho con trưởng, tránh hậu loạn. Vì thế trung với vua, hiếu với cha mẹ là cùng một gốc “trung chi quân, hiếu chi phụ mẫu, dữ chi bản - Lễ ký”. Hoặc hiếu là để phụng sự nhà vua đây, để là để phụng sự bề trên đây, từ là để sai khiến dân chúng đây “hiếu giả sở dĩ sự quân dã, để giả sở dĩ sự trưởng dã, từ giả sở dĩ sử chúng dã - Đại học 9”. Hoặc đã là người có hiếu để, mà lại thích phạm thượng là điều ít có. Đã không thích phạm thượng mà lại thích làm loạn thì chưa có bao giờ “kỳ vi nhân dã hiếu để, nhi hào phạm thượng giả tiểu kỳ. Bất hảo phạm thượng, nhi hóa tác loạn giả, vi chư hữu giả - Luận ngữ - học nhi 2”. Như thế, Nho giáo gắn liền chữ hiếu với chữ trung, đồng nghĩa lòng yêu thương cha mẹ với lòng yêu thương nhà vua. Coi nhà vua như phụ huynh của một cộng đồng tông tộc, bảo vệ nhà vua như bảo vệ dòng máu của chính mình. Để dẫn đến tới trung không thờ hai vua “trung thần bất sự nhi quân”. Nho giáo thâm hiểm ở chỗ, huy động thần dân cả nước bảo vệ ngài vàng nhà vua bằng tình cảm tông tộc, để dân dễ dàng chấp nhận dưới gầm trời không chỗ nào không phải là đất của vua “phổ thiên chi hạ mạc phi vương thổ”, để thuế mà vua đặt ra như thế nào, dân cứ theo thế mà theo, mà đóng. Thậm chí còn kính trọng

cái phép mà vua đặt ra, là vua có quyền phong sắc cho thần làng. Đình làng nào ở nơi cửu võng trang trọng nhất, cũng đề chữ “thánh cung vạn tuế”, “thánh thọ vô cương”, để tỏ lòng trung với vua. Hơn thế nữa Nho giáo dạy trung quân như tôn kính thần của làng mình.

Nho giáo đề cao chữ hiếu, cái hay là thực sự dạy con người thương yêu, kính trọng cha mẹ đã sinh thành nuôi dưỡng, gây dựng nên cơ nghiệp cho con cái. Còn cái dở là đồng nghĩa tình yêu thương cha mẹ với yêu thương ngài vàng nhà vua, nước của vua. Chấp nhận sự tước đoạt của nhà vua như phụng dưỡng cha mẹ mình.

Nho giáo gắn chặt mối quan hệ giữa gia đình và xã hội: Nho giáo có chủ đích rõ ràng trong việc xây dựng những quan hệ chặt chẽ trong gia đình và phát triển chúng thành những quan hệ trong toàn xã hội, trong việc xây dựng những tình cảm và đức tính tốt trong gia đình, từ đó vun đắp chúng trở thành những tình cảm và đức tốt trong đạo thờ vua, trị nước. Nho giáo vì thế rất coi trọng việc giáo dục gia đình. Đó là trường học đầu tiên để giáo dục con người vào xã hội, thân yêu cha mẹ mình, kể đó mà cư xử có nhân với người đời “thân nhân nhi nhân dân - Mạnh Tử - Tân tâm- thượng 45”. Kính cha anh của mình, từ đó kính cha anh của người. Yêu con trẻ của mình, từ đó yêu con trẻ của người “lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu - Mạnh Tử - Lương Huệ Vương - thượng 7”.

Cũng vì vậy, muốn đánh giá được phẩm chất của một người ở ngoài xã hội, muốn xem có nên cân nhắc và sử dụng họ không, trước tiên người ta phải xem tư cách, thái độ của người ấy trong gia đình ra sao. Có đối xử tốt trong gia đình, mới có thể đối xử tốt ngoài xã hội. Bậc quân tử có ăn ở hợp lý ở trong nhà, mới có thể dạy người trong nước “nghi kỳ gia nhân, nhi hậu khả dĩ giáo quốc nhân - Đại học - 9”.

Từ đó, Nho giáo khẳng định rằng sự giáo dục từ trong gia đình có tác động mạnh mẽ, thậm chí quyết định sự thành công trong việc trị nước. Đem những điều ấy ra mà thi thố trong thiên hạ thì không có điều gì mà không làm được “thổ chư thiên hạ vô sở bất hành - Lễ ký”. Lại có thể điều hành mọi việc của thiên hạ như nắm trong bàn tay “thiên hạ khả vận ư chưởng - Mạnh Tử - Lương Huệ Vương - thượng 7”. Thậm chí chỉ cần mọi người đều yêu thương cha mẹ, bà con mình, kính trọng bậc trưởng thượng của mình, tự nhiên thiên hạ sẽ được thái bình “nhân nhân thân kỳ thân, trưởng kỳ trưởng, nhi thiên hạ bình - Mạnh Tử - Ly lâu - thượng 11”.

Nho giáo hình thành gia đình với phụ quyền gia trưởng và trọng nam khinh nữ: Nho giáo nguyên thủy là đề cao gia đình phụ quyền, “quyền huynh thế phụ” để củng cố chế độ phong kiến truyền tử. Đến Hán Nho, xuất phát từ văn hóa du mục trọng nam khinh nữ lại càng củng cố gia đình phụ quyền gia trưởng. Cho nên địa vị người phụ nữ trong gia đình Nho giáo chỉ là tam tòng. Ở nhà theo cha, lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con. Nho giáo dạy người phụ nữ về nhà chồng phải kính nhường giữ mình cho khéo đừng trái ý chồng “vãng nhi nữ gia, tất kính, tất giới vô vị phu tử - Mạnh Tử - Đằng Văn Công - hạ 22”. Còn chuẩn mực Tứ đức công dung ngôn hạnh, mà người phụ nữ cần phải vươn tới, chỉ là món đồ trang sức trong mỗi gia đình Nho giáo phụ quyền, để rồi tứ đức đó lại truyền cho con gái, tiếp nối vòng đời tam tòng tứ đức khác.

Người đàn ông thì có thể nắm thế bầy thiếp, còn người phụ nữ thì không được lấy hai chồng “liệt nữ bất giá nhị phu”. Kể cả những bà góa cô đơn nghèo đói, cũng không nên đi bước nữa. Đói chết chỉ là việc nhỏ, thất tiết mới là việc cực lớn “nhiên ngạc tử sự cực tiểu, thất tiết sự cực đại”. Tình cảm vợ chồng là cơ sở cơ bản nhất để xây dựng gia đình hạnh phúc, thì

Nho giáo lại cho là thứ yếu. Vợ chết thì có thể lấy vợ khác, nhưng cha mẹ anh em mất đi thì không thể lấy lại được. Nho giáo đặt chữ hiếu đề trên chữ tình (vợ chồng) thực chất là coi nhẹ yếu tố cơ bản xây dựng gia đình hạnh phúc.

Gia đình Nho giáo nêu cha ra cha, con ra con, chồng ra chồng, vợ ra vợ, nhưng thực chất tam cương “quân vi thân cương, phụ vi tử cương, phu vi thê cương” cũng vẫn chỉ tuyệt đối trong gia đình thuộc về người đàn ông, bởi vì ông vua trước hết cũng là người chồng trong gia đình. Người đàn ông gia trưởng chỉ có sử (sai khiến), chứ không có sự (chấp hành), sự là thuộc về vợ con, bề dưới. Trong gia đình Nho giáo, người phụ nữ chỉ như là cái bóng nép vào người đàn ông: người cha, chồng, con. Thậm chí còn bị Nho giáo xếp vào hạng người khó dạy bảo, phụ nữ là hạng người khó dạy bảo giáo hóa “phụ nhân nan hóa - Luận ngữ - Dương hóa - 5”.

Phụ nữ chẳng những việc đình đám không được bén mảng tới, ruộng đất công không có xuất chia, mà đến ăn uống cũng chịu chấp nhận thói quen chỉ quanh quẩn trong xó bếp “vì chàng thiếp phải ăn mâm, nếu như mình thiếp qua lần cũng xong”. Trong gia đình, xã hội phong kiến Nho giáo, phụ nữ là người cùng khổ nhất. Khổ vì mất quyền yêu, khổ vì không có quyền thừa kế tài sản, khổ vì địa vị thấp kém trong gia đình ngoài xã hội, khổ vì phải học để sai khiến chứ không phải để cho biết....

Nho giáo xây dựng chủ nghĩa gia đình. Từ quan điểm huyết thống, Nho giáo đòi hỏi sự gắn bó chặt chẽ giữa những thành viên trong cùng một gia đình, một dòng họ. Nho giáo kêu gọi họ yêu thương đùm bọc lẫn nhau, khuyến khích nhau giữ gìn danh dự và phát huy truyền thống của gia đình, của dòng họ. Những nghi thức ứng xử hàng ngày, những lời răn dạy của cha ông với những gia huấn, gia ngữ được lưu truyền đến các đời con cháu. Việc thờ

cúng ông bà cha mẹ trong nhà gắn liền với việc thờ cúng tổ tiên trong họ, việc xây dựng nhà thờ, sửa sang mô mã, sưu tầm ghi chép gia phả... đều góp phần làm khăng khít thêm các mối quan hệ trong gia đình, gia tộc.

Nhưng khi những quan hệ trên bị chi phối bởi quan điểm lệch lạc về huyết thống, bởi lòng tham lam ích kỷ và nhất là bởi sự tranh giành về lợi ích kinh tế, về địa vị chính trị xã hội, về vai vế trong làng xã..., thì không ít nhiều tiêu cực đã xảy ra và gây tác hại. Đó là sự thiên vị trong tình yêu thương: người nhân phải yêu thương tất cả, nhưng trước hết là phải yêu thương kẻ thân tộc và người tài đức “nhân giả vô bất ái dã, cấp thân hiền chi vụ - Mạnh Tử - Tận tâm - thượng 46”. Hoặc bậc quân tử không nên bỏ rơi người thân thích “quân tử bất thí kỳ thân - Luận ngữ - Vi tử 10” và thực tế hơn nữa: đối với kẻ thân tộc mình, cứ đặt lên những tước vị cao, gia tăng bổng lộc cho họ, dòng họ yêu ghét ai thì mình cũng yêu ghét theo “tôn kỳ vị, trọng kỳ lộc, đồng kỳ hiếu ố - Trung dung 20”.

Sự yêu thương đùm bọc trong gia đình biến dạng thành tính vị kỷ gia đình, bao che vun vén, bênh vực lẫn nhau bất chấp cả công lý. Một người con thấy cha ăn trộm con dê, đã đứng ra làm chứng khai thật, Khổng Tử cho đây là không ngay thẳng, mà ngược lại: cha che lỗi cho con, con che lỗi cho cha, tính ngay thẳng là ở đó “phụ vị tử ẩn, tử vị phụ ẩn, trực tại trung hỹ - Luận ngữ - Tử Lộ 8”. Ngay vua Thuấn, vị thần tượng của đạo Khổng đã phong cho em mình, một đứa hư hỏng, được đi cai trị một địa phương. Có người thắc mắc hỏi Mạnh Tử thì được giải thích rằng: hề thương yêu em thì muốn cho em được sang trọng, giàu có. Vua Thuấn phong đất cho em là muốn cho em được sang trọng, giàu có vậy. Minh làm thiên tử mà em là kẻ thất phu, thì có thể gọi mình là thương yêu

em chăng? “Thân vi thiên tử, đệ vi thất phu, khả vị ái ái chi hồ - Mạnh Tử - Vạn Chương - thượng 2”.

Chủ nghĩa gia đình, căn bệnh bén rễ, ăn sâu trong xã hội cũ, tạo ra xích mích giữa các gia đình và các dòng họ, dẫn đến sự ganh đua đố kỵ, thậm chí thù ghét và tiêu diệt lẫn nhau. Gia đình nào dòng họ nào cũng muốn tranh giành quyền lực, tìm cách gây thanh thế, kéo bè cánh, để trở thành những “cự thần” (gia tộc lớn) mà theo Mạnh Tử phân tích thì: trị nước chống khó, cốt đừng để cho những cự thất chê trách mình “Vi chính bất nan: bất đắc tội ư cự thất - Mạnh Tử - Ly lâu - thượng 6”.

2. ẢNH HƯỞNG CỦA NHO GIÁO VỚI GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRUYỀN THỐNG

Nho giáo vào Việt Nam từ ngoài vào, từ trên xuống. Các triều đại phong kiến trước đây đã đưa đạo đức Nho giáo từ Trung Quốc vào xã hội Việt Nam thời Lý - Trần (thế kỷ XI - XIV). Nho giáo có ảnh hưởng đến Việt Nam thời Lý - Trần không sâu sắc bằng các thế kỷ sau. Từ thế kỷ XV cho đến nửa đầu thế kỷ XX, các nhà nước phong kiến từ Lê đến Nguyễn đều lấy Nho giáo làm công cụ tư tưởng chi phối xã hội. Trong công cuộc cai trị đất nước, các triều đều đặc biệt chú trọng đến vấn đề gia đình, đều coi gia đình là cơ sở quan trọng bậc nhất để tạo lập kỷ cương và ổn định xã hội. Tề gia và trị quốc là hai công việc gắn liền nhau: gốc của thiên hạ tại nước, gốc của nước là tại gia đình “thiên hạ chi bản tại quốc, quốc chi bản tại gia - Mạnh Tử”. Các nhà nước từ Lê đến Nguyễn đều đề cao quan niệm hiếu làm một nguyên tắc trị nước.

Hiếu vốn là tinh thần, là nội dung của đạo đức gia đình truyền thống Việt Nam hình thành từ rất xa xưa trong phong tục và tín ngưỡng như “thờ cúng tổ tiên”, “trọng lão”, nhưng về sau lại được giáo lý Nho giáo khẳng định thêm sâu sắc, chi

tiết và thể chế hóa thành luân lý xã hội. Các nhà nước thời Lê đến Nguyễn đều lấy hiếu để củng cố gia đình... lấy hiếu làm chuẩn mực cho những giá trị xã hội, làm tiêu chuẩn để rèn luyện nhân cách, lấy hiếu để ràng buộc con người với con người, bề dưới với bề trên và đặc biệt được pháp luật hóa, chính sách hóa.

Công việc của đạo hiếu trước hết thể hiện ở việc con cháu phải nuôi dưỡng cha mẹ, ông bà. Đây là yêu cầu tối thiểu của mỗi thành viên trong gia đình. Lúc người già đau yếu phải có thuốc men đầy đủ, gặp khi tang lễ phải thực hiện thật chu đáo, trọn vẹn. Đối với quan lại, khi cần thiết phải bỏ chức vị trở về quê nhà chăm sóc ông bà, cha mẹ.

Hiếu là nhân cách con người, là gốc của nhân luân, là một giá trị xã hội cao quý. Đạo hiếu là của đất trời, lâu dài như trời đất, là bậc thang giá trị trọng yếu nhất trong cuộc đời. Kẻ bất hiếu được xem là xấu xa nhất, có tội danh trong pháp luật.

Đạo hiếu là quan hệ đứng dọc trong gia đình và trong dòng họ. Gia đình người Việt Nam từ xưa tới nay với vài ba thế hệ đã tạo nên một cộng đồng riêng biệt. Trong cộng đồng gia đình, phổ biến là gia đình nhỏ, quan hệ mặt bằng ngang là anh chị - em, còn quan hệ theo chiều đứng dọc là cha mẹ - con cái, người già - lớp trẻ, trưởng - thứ. Quan hệ bằng ngang được ứng xử theo nguyên tắc thứ để, lễ nghĩa; quan hệ dọc phải ứng xử theo nguyên tắc hiếu kính, cả hai đều gắn chặt với nhau, không mâu thuẫn mà bổ sung cho nhau, tạo nên một nền luân lý hoàn chỉnh. Các quan hệ anh chị em đều được thường xuyên quan tâm, được đặc biệt lưu ý, nhưng có phần nặng hơn thì vẫn là các quan hệ con cái với cha mẹ, trẻ với già, thứ với trưởng.

Quan hệ vợ chồng trong gia đình Nho giáo truyền thống nhất là các gia đình quan lại thượng lưu theo truyền thống dọc.

Cái gọi là “tam tông” đã đặt người phụ nữ vào địa vị thấp nhất trong gia đình.

Đạo hiếu có ý nghĩa quan trọng nhất, bậc cao nhất trong các nguyên tắc ứng xử gia đình.

Đã là người Việt thì từ xa xưa cho tới hiện nay đều có tục thờ cúng tổ tiên. Nhưng Nho giáo đã làm cho nó sâu đậm hơn như một đạo. Tục lệ này rải đều trong cả năm như thường xuyên nhắc nhở mọi người. Trong gia đình thì bàn thờ tổ tiên được đặt ở gian giữa; trong dòng họ thì có nhà thờ riêng biệt; hoặc nếu họ nhỏ ít người thì nhà thờ khá to, còn đặt thủ từ chăm nom.

Tổ tiên được “thần hóa” là một trong những tín ngưỡng thiêng liêng nhất của người Việt theo tinh thần Nho giáo. Ngày cúng giỗ tổ tiên thực sự là ngày lễ (ngày hội) của gia đình và họ hàng gần xa. Nghi thức lễ bái càng tăng thêm tinh thần tông tộc, thắt chặt thêm mỗi dây huyết thống vừa có ý nghĩa tưởng niệm người xưa, vừa có ý nghĩa giáo dục đạo hiếu. Trong gia đình Việt Nam, người con gái về nhà chồng, đâu chỉ có trách nhiệm với chồng mà còn phải “làm dâu” có trách nhiệm với nhà chồng. Thậm trí chức năng “làm dâu” đâu chỉ hạn hẹp trong phạm vi gia đình nhà chồng mà thực tế còn mở rộng ra cả dòng họ, hơn nữa cả xóm làng nhà chồng.

Nhằm gắn chặt mối quan hệ giữa gia đình và dòng họ, người Việt còn có tục viết gia phả. Gia phả không phải là sáng tạo của Nho giáo, nhưng tô đậm thêm. Không phải tất cả các dòng họ người Việt đều có gia phả hoặc có ý thức về gia phả, nhưng hiện tượng viết gia phả là phổ biến trong mấy thế kỷ cho đến ngày nay và miền Bắc thì nhiều hơn miền Nam.

Cùng với gia phả, nhiều họ còn lập tộc ước, tộc lệ, gia lễ và còn có gia huấn. Các gia huấn đều có một điểm chung là khẳng định đạo hiếu, xác định nghĩa vụ của từng người theo trật tự thứ bậc cha mẹ,

vợ chồng, con cái, anh em trong gia đình. Các gia huấn không đưa ra nhiều kiểu thức mới cho gia đình mà phần nhiều nhắc lại sự tích tổ tiên, cách rèn luyện nhân cách làm đúng điều nhân nghĩa, giữ đúng lễ nhà, khẳng định gia phong hiếu thảo cho con cháu gìn giữ.

Ở Việt Nam, từ xưa tới nay, vợ chồng ăn ở với nhau thường thường vẫn cầu mong có con sớm. Người vợ cũng như người chồng khi lấy nhau là mong muốn sớm chuyển sang làm cha, làm mẹ. Thời gian “son rỗi” kéo dài, hưởng thụ cá nhân không phải là điều hạnh phúc và cũng không có ý niệm trong các cặp vợ chồng. Gia đình truyền thống Việt Nam quan hệ vợ chồng là “thuận tòng”; suốt cuộc đời làm vợ, làm mẹ phải chăm lo, phải hi sinh cho chồng con “ăn nên làm ra” có nhiều thành đạt, thậm chí cần hy sinh cả thời gian son trẻ (nuôi dạy con cái, nuôi bố mẹ chồng tại quê nhà) để chồng đi làm việc xa, và đặc biệt phải giữ lòng “trinh thuận”. Quan niệm “thuận tòng” không phải là phụ thuộc. Người vợ trong gia đình Việt Nam nhìn chung có vị trí cao hơn trong gia đình ở Trung Quốc và Nhật Bản. Đó là quan hệ tương đối bình đẳng “thuận vợ thuận chồng, tát bể Đông cũng cạn”, hài hòa tốt đẹp “chồng cây vợ cấy, con trâu đi bừa”.

Sự phân biệt trưởng thứ, già trẻ, nội ngoại... cùng với việc thờ cúng tổ tiên (như hiện nay) việc lập gia phả, xây dựng gia huấn... cũng là sự du nhập những cơ chế tông tộc - tông pháp (có phần chịu ảnh hưởng văn hóa Hán - Nho). Hệ thống gia đình - thân tộc như vậy có cấu trúc chặt chẽ, tạo ra sự ngưng kết ổn định có tính truyền thống thừa kế tiếp nhau trong nhiều thế hệ.

Người phương Tây lớn lên là hướng tới tự do cá nhân, còn gia đình nhiều khi bị xếp vào hàng thứ yếu. Ở Việt Nam và một số nước Á Đông, trong luân lý và đạo đức truyền thống đều hướng tới việc xây dựng gia đình bền vững, lâu dài, một trách nhiệm, một luân lý và đạo đức mà tình

cảm cá nhân phải phụ thuộc vào đó. Con người vừa mới sinh ra đã phải là con người có hiếu và thuận hòa, rồi lấy vợ, lấy chồng nhanh chóng chuyển sang là cha mẹ tốt, cả cuộc đời đều hiến thân cho gia đình, lấy công việc xây dựng gia đình (đông con, giàu có, danh tiếng, thương yêu nhau) làm hạnh phúc cho chính bản thân mình. Hạnh phúc và danh dự cá nhân được gắn chặt với hạnh phúc và danh dự gia đình.

Thang bậc trong trật tự gia đình, gia tộc được phân biệt, phân chia trong mọi nơi, mọi lúc. Mỗi người trong gia đình truyền thống phải tự ý thức rõ ràng về vị trí đều một phần phụ thuộc vào vị trí của thân phận mình trong gia đình (mở rộng ra là xã hội), thậm trí cả hưởng thụ vật chất, tài sản kể cả chỗ ngồi trong nhà, trong họ, trong đình làng cũng theo bậc thang thân phận. Sự kết hợp gia đình, họ hàng với làng xã, với nhà nước tạo ra một nét đặc thù, tạo ra một cơ chế xã hội, lấy huyết thống làm một cơ sở. Đây là ảnh hưởng của Nho giáo, ở miền Bắc mạnh hơn miền Nam.

Người Việt thường nói hiếu là một đạo, đạo hiếu. Hiếu không dừng ở đạo đức, mà xa hơn còn là phạm trù tín ngưỡng, một tín ngưỡng thế tục, hiếu còn là một điều luật xã hội mọi người phải tuân thủ. Những việc thờ cúng tổ tiên được tổ chức liên tiếp quanh năm, việc giữ gìn mồ mả nghiêm chỉnh, những việc tang tế cẩn thận và lập nhà thờ họ cũng là những biểu hiện của đạo hiếu, của tín ngưỡng Nho giáo.

Tuy nhiên, Đạo hiếu Nho giáo ở Việt Nam có một số điểm không giống như ở Trung Quốc. Hiếu ở Trung Quốc được tuyệt đối hóa như lý trí tiên thiên. Từ Hán Nho đến Tống Nho là quá trình tôn giáo hóa Nho giáo trên cơ sở xã hội là gia đình lớn và tông tộc chủ nghĩa. Hiếu của Trung Quốc tuyệt đối hóa phụ quyền và nam quyền, đôi khi có hiện tượng “ngu hiếu”. Trong gia đình Trung Quốc, người cha có quyền uy cao hơn tất cả; trong họ, người tộc trưởng cũng ở vị trí đứng đầu. Hai thực

thể này kết hợp chi phối các quan hệ xã hội được gọi là chế độ tông pháp nặng nề. Ở Việt Nam không phải không có màu sắc như vậy, nhưng ít hơn, nhạt hơn. Nguyên nhân chính là trong xã hội cấu trúc gia đình là gia đình nhỏ. Chính gia đình nhỏ đã điều kiện hóa khi tiếp nhận ảnh hưởng Nho giáo. Trong gia đình Việt Nam, vợ chồng tương đối bình đẳng, nội ngoại tương đối gần nhau, con gái cũng có quyền được chia tài sản. Chính cấu trúc gia đình nhỏ phổ biến khắp mọi nơi là lực lượng hạn chế ảnh hưởng của Nho giáo theo xã hội tiểu nông lúa nước - gia đình kiểu hạt nhân. Còn nhiều gia đình Nho giáo thuần túy của bộ phận quan lại cao cấp không phải là không có, nhưng ít và không bền vững lâu dài.

3. NHO GIÁO TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY

Ở Việt Nam, gia đình kiểu cũ kéo dài hàng ngàn năm không thể tự bảo tồn trước sự đổi thay của đất nước. Cuộc cách mạng vĩ đại do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đánh đổ đế quốc thực dân phong kiến không chỉ giải phóng đất nước, giải phóng dân tộc thoát khỏi xiềng xích nô lệ mà còn giải phóng các tầng lớp thanh niên và phụ nữ thoát khỏi sự coi thường và áp chế của bề trên cao tuổi và của nam giới. Thanh niên không chỉ còn ở trong nhà, dưới sự sắp đặt của cha mẹ mà ngày nay họ tự khẳng định mình, đứng lên gánh vác sứ mệnh thiêng liêng là bảo vệ tổ quốc và chủ động tham gia những công việc chung. Phụ nữ không chỉ quản quanh làm nội trợ mà đã tham gia đảm đang việc nước, việc nhà, cầm cày, cầm súng, không chịu thua kém nam giới.

Gia đình Việt Nam, trong thời kỳ đất nước đổi mới có những yếu tố cũ, yếu tố mới đan xen lẫn nhau không còn chữ hiếu mù quáng như xưa, nhưng lại không ít hiện tượng con cái hỗn láo với cha mẹ. Bệnh gia trưởng độc tôn, độc đoán giảm nhiều nhưng có nhiều biểu hiện gia tăng sự

vô trách nhiệm của các bậc cha mẹ, không những không quan tâm chăm sóc mà còn làm hư hỏng con cái bởi sự hư hỏng của chính mình. Trong việc xây dựng gia đình hòa thuận, dân chủ, bình đẳng có nhiều tiến bộ. Vẫn còn giữ được tình nghĩa vợ chồng chung thủy truyền thống Việt Nam, song cũng đã xảy ra những cảnh gia đình lục đục vợ chồng đánh chửi nhau, sống buông thả và bất chính, yêu thương giả dối và lãng nhãng bỏ bịch.

Quan hệ trong gia đình có sự biến đổi khá phức tạp. Đặc biệt gần đây lại xuất hiện khuynh hướng trở lại với nhiều nề nếp cũ của gia đình theo chiều hướng tích cực. Đó là quan tâm hơn đến việc xây dựng gia đình và giáo dục con cái, điều mà trước đây Nho giáo đặc biệt quan tâm; xây dựng lại nhà thờ, sửa sang lại mộ mả, tổ tiên, lập lại gia phả, đi lại thăm hỏi tìm người trong họ, bày tỏ tình cảm sẵn sàng cứu mang lẫn nhau...

Sự nghiệp đổi mới đang tạo ra những sự đổi thay trong sinh hoạt gia đình. Trong sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp, nền kinh tế đã từ gia đình chuyển sang tập thể nay lại đang có xu hướng từ tập thể trở lại gia đình. Lợi ích của gia đình không phụ thuộc một cách đơn giản vào lợi ích xã hội. Nó đang được phát triển mạnh mẽ trong mối quan hệ hài hòa và hợp lý với lợi ích xã hội.

Việc làm giàu không còn là một việc đáng chê trách và cần phải e ngại. Nó đang được cổ vũ và khuyến khích đối với mọi gia đình và mỗi con người. Lợi ích chính đáng của gia đình và cá nhân được tự do phát triển, đang là động cơ thúc đẩy trí tuệ và tài năng, phát huy truyền thống dũng cảm và sáng tạo của cả dân tộc.

Cuộc sống của mỗi gia đình ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu đáng khích lệ lại nảy sinh rất nhiều hiện tượng tiêu cực trong quan hệ giữa người với người, ở ngoài xã hội cũng như trong mỗi gia đình.

Làm giàu nhiều lúc gắn liền với những hành động gian dối lừa đảo, giẫm đạp lên những chuẩn mực thông thường của đạo đức. Nảy sinh những hiện tượng tham nhũng trong bộ máy nhà nước, những hành vi trộm cắp và tàn bạo trong xã hội. Đã dần dần xấu đi những quan hệ truyền thống giữa cha con, chồng vợ, anh em trong phạm vi gia đình.

Nếu như quan hệ xã hội bắt đầu từ quan hệ gia đình, nếu như quy tắc ứng xử ngoài xã hội bắt đầu từ quy tắc ứng xử trong gia đình thì phải chăng những hiện tượng tiêu cực ngày nay cũng là kết quả của sự suy thoái gia đình? Phải chăng cũng vì nề nếp sinh hoạt tốt đẹp trong gia đình, những quy tắc mà Nho giáo từ ngàn năm đã xây dựng nên ở mỗi gia đình không còn giữ lại nữa trong con người Việt Nam hôm nay? Phải chăng đã đến lúc cần khôi phục lại Nho giáo để từ đạo đức trong gia đình củng cố thêm đạo đức ngoài xã hội, để từ quan điểm nhân nghĩa của cha ông đưa đời sống phú quý của xã hội đi vào con đường lành mạnh.

Gia đình Việt Nam ngày nay không nằm trong khuôn khổ của chế độ phong kiến và tư sản mà lại ra đời trên cơ sở đánh đổ những chế độ ấy. Nếu gia đình cũ đã thu hẹp chữ hiếu vào quan hệ với bố mẹ trong gia đình thì gia đình Việt Nam ngày nay lại mở rộng chữ hiếu thành tình cảm mãnh liệt đối với tổ quốc và nhân dân. Chữ trung của gia đình Việt Nam ngày nay không còn là chữ trung đối với vua chúa và đối với ông chủ bóc lột nữa mà đã trở thành chữ trung đối với tổ quốc. Chính vì lẽ trên mà cuộc cách mạng xã hội ở Việt Nam lại gắn liền với cuộc cách mạng trong gia đình, gắn liền với việc giải phóng mọi thành viên trong gia đình nhất là phụ nữ và thanh niên ra khỏi lễ giáo khắc nghiệt và sự độc đoán của người gia trưởng theo tinh thần của Nho giáo.

Tình cảm của gia đình có thể coi như tình cảm sâu sắc đầu tiên của con người,

nhưng tình cảm ấy lại phải được xây dựng trên cơ sở bình đẳng và tự nguyện, không phải do sự áp đặt quyền lực chính trị trong gia đình.

Tình cảm sâu sắc trong gia đình tất yếu dẫn tới những tình cảm đối với bà con thân tộc, với dòng họ lớn và nhỏ. Nhưng những tình cảm ấy không thể dẫn tinh thần ích kỷ, cục bộ, bản vị, chỉ biết chăm lo cho lợi ích riêng tư, thiên vị và che đậy cho lợi ích riêng của gia đình, thiên vị và che đậy cho bà con anh em, kéo bè cánh trong dòng họ để đối lập lại với lợi ích công cộng của địa phương, của xã hội. Gia đình Việt Nam xây dựng những quy tắc mới, bảo đảm những quan hệ lành mạnh và có kỷ cương giữa các thành viên trong gia đình. Ở đây những tình cảm lành mạnh và sâu sắc thể hiện qua những quan hệ chung thủy thân yêu, chăm lo cho sự tiến bộ của nhau về đạo đức và tài năng, phục vụ cho lý tưởng cao cả của dân tộc. Tình cảm ấy không giống như ngày xưa thể hiện ra bên ngoài qua thái độ khúm núm của người dưới và hống hách của người trên. Đó là sự khúm núm và hống hách mà chế độ phong kiến đã đòi hỏi trong quan hệ giữa tầng lớp vua quan thống trị và các tầng lớp nhân dân bị thống trị.

4. KẾT LUẬN

Gia đình Việt Nam có sự hòa trộn giữa bản sắc riêng của dân tộc với đạo lý Nho giáo Trung Hoa tạo nên những nét độc đáo. Chính những nhân tố tích cực của Nho giáo sau khi khúc xạ bởi văn hóa làng Việt Nam đã góp vào việc hình thành, nuôi dưỡng thuần phong mỹ tục, nếp sống cộng đồng tình nghĩa và ý thức tự tôn quốc gia - dân tộc. Những yếu tố tích cực của Nho giáo đã giáo dục lòng yêu thương đối với con người, đối với xã hội bắt đầu từ tình yêu thương gia đình vốn rất phù hợp với tình cảm và đạo lý văn hóa làng Việt Nam. Trong các gia đình, phổ biến là bầu không khí “kính trên nhường dưới”, con

cái hiếu thảo với cha mẹ, vợ kính trọng và yêu thương chồng, cha mẹ nhân từ với con cái, anh em coi nhau như thể tay chân. Đây là nội dung của sự hòa thuận gia đình, từ đó là sự hòa thuận trong xóm ngoài làng, rồi mở rộng toàn xã hội. Mặt khác những yếu tố tiêu cực của Nho giáo cũng gây ra những ảnh hưởng xấu trong xã hội, như thái độ và tác phong gia trưởng, sự phục tùng mê muội, ý thức trọng nam khinh nữ... Tuy nhiên những yếu tố tiêu cực này không gây được ảnh hưởng mạnh mẽ đối với gia đình truyền thống Việt Nam nhất là gia đình lớp dưới.

Việc tiếp biến có chọn lọc các giá trị Nho giáo ở gia đình truyền thống Việt Nam phản ánh kiểu tiếp biến văn hóa của Việt Nam trong phức hợp nhà - làng - nước.

Hiện nay khi kinh tế hộ gia đình được đề cao thì đồng tiền đã ảnh hưởng tới đời sống tinh cảm của gia đình. Việc chạy đua theo sự giàu sang đã làm cho luân thường đạo lý bị đảo lộn. Tình trạng ly hôn, bạo lực gia đình có khuynh hướng gia tăng. Tình hình trên chứng tỏ những mối quan hệ gia đình cũng phức tạp và gay gắt không kém gì các mối quan hệ xã hội. Hiện nay chúng ta vẫn đang ở tình thế lưỡng nan: hoặc là “tiến thẳng” đến mô hình gia đình hiện đại hoặc với kiểu gia đình truyền thống. Nếu trở về với gia đình truyền thống thì dù chỉ kế thừa tinh hoa cũng không thể bỏ qua được những đặc trưng cố hữu, tính đóng kín của hệ thống gia đình - gia tộc gia trưởng, sự ôm đồm toàn bộ các chức năng kinh tế, tái sản xuất sức lao động, nuôi dưỡng và giáo dục con cái, chăm sóc và bảo vệ các thành viên... Tiến bộ của lịch sử cho thấy rằng, kiểu gia đình này không có đủ các điều kiện cần thiết để làm tốt chức năng của mình. Hơn thế nó còn chứa đựng biết bao yếu tố cổ hủ bó buộc con người, nhất là người phụ nữ. Còn nếu “tiến thẳng” đến kiểu gia đình hiện đại thì dù

có tiếp thu có chọn lọc kiểu gia đình xã hội công nghiệp phương Tây một cách tối ưu cũng vấp phải những khuynh hướng làm khuynh đảo thuần phong, mỹ tục tâm lý và tình cảm huyết tộc, làng xóm quê hương... Các tính chất mở, biến động và quá trình hạt nhân hóa, cá nhân hóa sẽ tàn phá đời sống tinh cảm gia đình một cách phủ phàng. Do vậy nguyện vọng chung của chúng ta là không muốn lặp lại như nguyên cái di sản truyền thống và cũng chẳng muốn “tiến thẳng” đến mô hình gia đình hiện đại. Chúng ta mong muốn một mô hình gia đình có thể kết hợp được những ưu điểm của cả gia đình truyền thống và gia đình hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đăng Duy: *Nho giáo với văn hóa Việt Nam*. Nxb Hà Nội 1998.
2. Phan Đại Doãn (chủ biên): *một số vấn đề về Nho giáo Việt Nam*. Nxb CTQG, 1999.
3. Nguyễn Văn Hồng: *Nho giáo và đạo đức Nho giáo*. Khoa học và Tổ quốc, số 9 - 2002.
4. Vũ Khiêu (chủ biên): *Nho giáo và gia đình*. Nxb KHXH, 1995.
5. Vũ Khiêu: *Nho giáo và phát triển ở Việt Nam*. Nxb KHXH, 1997
6. Lê Sĩ Thắng (chủ biên): *Nho giáo tại Việt Nam*. Nxb KHXH, Hà Nội 1994.
7. Lê Thi (chủ biên): *Gia đình Việt Nam trong bối cảnh đất nước đổi mới*. Nxb KHXH, 2002.
8. Nguyễn Tài Thư (chủ biên): *ảnh hưởng của tư tưởng và tôn giáo đối với con người Việt Nam hiện nay*. Nxb CTQG, 1997.
9. Nguyễn Tài Thư: *Nho học và nho học ở Việt Nam: một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nxb KHXH, 1997.